# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Quyết định số: 416 /QĐ-CĐYT ngày 06 tháng 9 năm 2022*

*của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên)*

**Tên ngành, nghề:** Điều dưỡng

**Mã ngành, nghề:** 6720301

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng

**Hình thức đào tạo:**  Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp Trung học phổ thông

# Thời gian đào tạo: Từ 2,5 năm đến 4,5 năm

**I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

**1. Mục tiêu chung**

Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo quy định của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân; nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

**2. Mục tiêu cụ thể**

***2.1. Kiến thức***

- Vận dụng được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;

- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong khi thực hành chăm sóc người bệnh;

- Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những lưu ý khi sử dụng thuốc, hướng sẫn sử dụng thuốc hợp lý và an toàn.

- Trình bày được kiến thức về vi sinh, ký sinh trùng để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;

- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;

- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

***2.2. Kỹ năng***

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;

- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;

- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;

- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;

- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;

- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;

- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;

- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;

- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được tiếng Anh cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; sử dụng được tiếng Anh để giao tiếp, nghiên cứu tài liệu điều dưỡng phù hợp với trình độ.

***2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm***

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm; giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Thận trọng, tỉ mỉ khi thực hành nghề nghiệp; tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

**3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có năng lực đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm sau đây:

- Điều dưỡng phòng khám;

- Điều dưỡng chăm sóc;

- Điều dưỡng cộng đồng.

# II. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

- Số lượng môn học: 41

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.410 giờ (108 tín chỉ), chưa kể môn học Giáo dục thể chất 60 giờ (02 tín chỉ) và môn học Giáo dục Quốc phòng - An ninh 75 giờ (03 tín chỉ).

- Khối lượng các môn học chung: 440 giờ (23 tín chỉ).

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1.970 giờ (87 tín chỉ).

+ Khối lượng các môn học cơ sở khối ngành và ngành: 650 giờ (33 tín chỉ).

+ Khối lượng các môn học ngành và chuyên ngành: 1.320 giờ (54 tín chỉ).

- Khối lượng lý thuyết: 1.003 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 1.252 giờ; kiểm tra: 155 giờ.

# III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

| **Mã MH** | **Tên môn học** | **Số tín chỉ** | **Số giờ** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập** | **Kiểm tra** |
| **I. Các môn học chung(1):** | | **23** | **440** | **243** | **173** | **24** |
| CDD.11101 | Giáo dục chính trị | 4 | 75 | 41 | 29 | 5 |
| CDD.11102 | Tiếng Anh | 5 | 120 | 44 | 72 | 4 |
| CDD.11103 | Tiếng Anh chuyên ngành(\*) | 2 | 30 | 28 |  | 2 |
| CDD.11104 | Tin học | 3 | 75 | 15 | 57 | 3 |
| CDD.11105 | Di truyền y học | 2 | 30 | 23 | 5 | 2 |
| CDD.11106 | Hóa học và Hóa sinh | 3 | 45 | 41 |  | 4 |
| CDD.11107 | Lý sinh y học | 2 | 30 | 28 |  | 2 |
| CDD.11108 | Giáo dục thể chất | 2 | 60 | 5 | 51 | 4 |
| CDD.11109 | Giáo dục Quốc phòng - An ninh | 3 | 75 | 36 | 35 | 4 |
| CDD.11110 | Pháp luật | 2 | 35 | 23 | 10 | 2 |
| **II. Các môn học chuyên môn:** | | **87** | **1.970** | **760** | **1.079** | **131** |
| **1. Các môn học cơ sở khối ngành và ngành** | | **33** | **650** | **305** | **305** | **40** |
| CDD.11111 | Giải phẫu - Sinh lý | 5 | 100 | 38 | 58 | 4 |
| CDD.11112 | Vi sinh vật - Ký sinh trùng | 3 | 45 | 28 | 14 | 3 |
| CDD.11113 | Sinh lý bệnh | 3 | 60 | 28 | 28 | 4 |
| CDD.11114 | Dược lý | 3 | 45 | 42 |  | 3 |
| CDD.11115 | Kiểm soát nhiễm khuẩn | 2 | 30 | 28 |  | 2 |
| CDD.11116 | Điều dưỡng cơ sở 1 | 4 | 90 | 28 | 56 | 6 |
| CDD.11117 | Điều dưỡng cơ sở 2 | 4 | 90 | 28 | 56 | 6 |
| CDD.11118 | TT tiền lâm sàng Điều dưỡng cơ sở | 1 | 40 |  | 36 | 4 |
| CDD.11119 | Sức khỏe môi trường - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người | 3 | 60 | 29 | 28 | 3 |
| CDD.11120 | Dinh dưỡng - Tiết chế | 3 | 60 | 28 | 29 | 3 |
| CDD.11121 | Tổ chức - Quản lý y tế và Y đức | 2 | 30 | 28 |  | 2 |
| **2. Các môn học ngành và chuyên ngành** | | **54** | **1.320** | **455** | **774** | **91** |
| CDD.11122 | Tâm lý - Giao tiếp và Giáo dục sức khoẻ | 3 | 60 | 28 | 28 | 4 |
| CDD.11123 | Chăm sóc người bệnh nội khoa | 5 | 75 | 71 |  | 4 |
| CDD.11124 | TTLS Chăm sóc người bệnh nội khoa | 3 | 120 |  | 112 | 8 |
| CDD.11125 | CS người bệnh cấp cứu và tích cực | 2 | 30 | 28 |  | 2 |
| CDD.11126 | Chăm sóc người bệnh ngoại khoa | 4 | 60 | 57 |  | 3 |
| CDD.11127 | TTLS Chăm sóc người bệnh ngoại khoa | 3 | 120 |  | 112 | 8 |
| CDD.11128 | CS sóc sức khỏe trẻ em | 4 | 60 | 57 |  | 3 |
| CDD.11129 | TTLS Chăm sóc sức khỏe trẻ em | 3 | 120 |  | 112 | 8 |
| CDD.11130 | CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình | 4 | 75 | 43 | 28 | 4 |
| CDD.11131 | TTLS CS sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình | 2 | 80 |  | 72 | 8 |
| CDD.11132 | Dịch tễ học và các Bệnh truyền nhiễm | 3 | 45 | 42 |  | 3 |
| CDD.11133 | TTLS CS người bệnh Truyền nhiễm | 1 | 40 |  | 36 | 4 |
| CDD.11134 | Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng | 3 | 60 | 28 | 28 | 4 |
| CDD.11135 | Điều dưỡng bệnh các chuyên khoa (Mắt, Răng - Hàm - Mặt, Tai - Mũi - Họng) | 2 | 30 | 28 |  | 2 |
| CDD.11136 | Quản lý điều dưỡng | 2 | 40 | 19 | 19 | 2 |
| CDD.11137 | Y tế và công tác xã hội (\*) | 1 | 15 | 13 |  | 2 |
| CDD.11138 | Xác suất thống kê và Nghiên cứu khoa học(\*) | 3 | 75 | 28 | 43 | 4 |
| CDD.11139 | Chăm sóc sức khỏe cộng đồng | 1 | 15 | 13 |  | 2 |
| CDD.11140 | Thực tập cộng đồng | 2 | 80 |  | 72 | 8 |
| CDD.11141 | Thực tập tốt nghiệp | 3 | 120 |  | 112 | 8 |
| **Tổng cộng I + II (1):** | | **110** | **2.410** | **1.003** | **1.252** | **155** |

***Ghi chú:***

(1) Chưa kể môn Giáo dục Quốc phòng - An ninh và môn Giáo dục thể chất.

(\*) Môn học bổ trợ đặc thù.

**IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Các môn học chung** được thực hiện theo chương trình môn học do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các bộ/ ngành tổ chức xây dựng và ban hành; đồng thời cập nhật, bổ sung các nội dung cho phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định cụ thể của tỉnh Điện Biên.

**2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa**

Căn cứ điều kiện thực tế hàng năm, giảng viên tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khóa như sau:

- Đối với các môn học chuyên môn: Tổ chức khám, chữa bệnh miễn phí; truyền thông, giáo dục sức khỏe; vệ sinh phòng bệnh; hướng dẫn khai thác, sử dụng cây thuốc nam tại nhà,... cho đồng bào thuộc các xã khó khăn.

- Các môn học chung: Tham quan danh lam thắng cảnh; các di tích lịch sử; các công trình tiêu biểu về kinh tế, xã hội.

**3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học**

Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học được quy định chi tiết trong từng môn học và các quy định sau đây:

- Quyết định số 402/QĐ-CĐYT ngày 30/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ chính quy theo phương thức tích lũy tín chỉ trong Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên;

- Quyết định số số 403/QĐ-CĐYT ngày 30/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên về việc ban hành Quy chế kiểm tra, thi kết thúc môn học và xét công nhận tốt nghiệp theo phương thức tích lũy tín chỉ (hệ chính quy) trong Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên.

**4. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Đã học hết chương trình và tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo điều dưỡng, trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên.

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên. Trong đó, các môn học chuyên ngành phải có điểm tổng kết môn học đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10.

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian của chương trình đào tạo.